

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/03/2023

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Tùng.

2. Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Nguyễn Tiến Lễ- Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Lâm T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: số 47, đường N, tổ 4, khu P, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Lý Cao T, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp E2, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Lý Gia T1, sinh ngày 04/7/2008 và Lý Gia T2, sinh ngày 25/3/2013 (Xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 47, đường N, tổ 4, khu P, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: ông Nguyễn T – Giám đốc Chi nhánh huyện V, Cần Thơ II (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ chi nhánh: Số A2 - 05, đường P, ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của bà T và ông Lý Cao T là do tự quen biết, thời gian tìm hiểu yêu thương nhau 01 tuần thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới ngày 06/5/2000, có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2000 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Bà T và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không có tiếng nói chung. Vào năm 2017 bà và ông T đi nước ngoài lao động đến năm 2020 thì quay về địa phương tiếp tục chung sống nhưng vẫn mâu thuẫn. Tháng 6/2022 bà có tình cảm với người khác không còn tình cảm với ông Thiên. Ngày 20/10/2022 bà T bỏ địa phương đi làm xa và sống ly thân với ông T cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông T có chủ động hàn gắn tình cảm nhưng bà không đồng ý do không còn tình cảm với ông T nên bà T xin ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống bà và ông T có 03 con chung: Lý Gia T1, sinh ngày 05/6/2001 đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Lý Gia T2, sinh ngày 04/7/2008 và Lý Gia T3, sinh ngày 25/3/2013. Từ khi ly thân đến nay cháu T2 và T3 do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 và cháu T3, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 745.000đ/cháu tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa bà rút phần yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lý Cao T quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau: Về hôn nhân ông thống nhất với bà T về thời gian quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn là đúng. Ông và bà T chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông và bà T bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không có tiếng nói chung. Vào năm 2017 ông và bà T có đi nước ngoài lao động, đến năm 2020 thì quay về địa phương nên vợ, chồng tiếp tục sống chung. Ngày 11/12/2021 bà T đi làm ở Cần Thơ không hiệu quả do thua lỗ nên vợ,

chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 6/2022 ông phát hiện bà T không chung thủy với ông có tình cảm với người khác nhưng ông vẫn tha thứ. Ngày 20/10/2022 bà T bỏ địa phương đi và sống ly thân với ông cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông có chủ động hàn gắn tình cảm nhưng bà T không đồng ý. Ông vẫn còn tình cảm với bà T và là người có đạo nên ông không đồng ý ly hôn. Ông chỉ đồng ý ly hôn nếu nguyên đơn giao cho ông 100.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng N. Vì đây là nợ chung của ông và bà T, khi ly hôn thì ông không đủ khả năng trả nợ cho ngân hàng.

Quá trình chung sống ông và T có 03 con chung: Cháu Lý Gia T1, sinh ngày 05/6/2001 đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Lý Gia T2, sinh ngày 04/7/2008 và Lý Gia T3, sinh ngày 25/3/2013 từ khi ly thân đến nay cháu T2 và T3 sống với bà T. Trường hợp ly hôn ông đồng ý giao cháu T2 và cháu T3 cho bà T tiếp tục nuôi, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 745.000đ/cháu tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, ông đồng ý ly hôn với bà T, ông không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con vì không có đủ khả năng kinh tế.

Tài sản chung, riêng: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông và bà T có vay Ngân hàng N, chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh – Cần Thơ II - phòng Giao dịch T số tiền 200.000.000 đồng, ông yêu bà T có trách nhiệm trả nợ chung với ông cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đối với phần nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra vụ án trình bày như sau: cháu Lý Gia T3 và Lý Gia T3 là con chung của ông Lý Cao T và bà Lê Thị Lâm T. Cháu T2 đang học lớp 9, trường Trung học thị trấn Cù Chi, cháu T3 đang học lớp 4 trường Tiểu học Tân Thành. Từ khi bà T và ông T ly thân thì các cháu sống với bà T. Nếu ba mẹ ly hôn nguyện vọng của 02 cháu muốn tiếp tục sống với bà T và không yêu cầu gì đối với ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N có đại diện là ông Nguyễn Văn T, mặc dù ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra vụ án có ý kiến như sau: Ông Lý Cao T và bà Lê Thị Lâm T có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V Cần Thơ II - phòng Giao dịch T số tiền 200.000.000đồng, theo Hợp đồng tính dụng số: 1805-LAV-202200333 ngày 25/02/2022. Tuy nhiên, ông T và bà T vẫn trả nợ gốc và lãi trong hạn đúng quy định nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nguyên đơn, bị đơn đồng ý ly hôn. Về con: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao Lý Gia T2, sinh ngày 04/7/2008 và Lý Gia T3, sinh ngày 25/3/2013 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung riêng và nợ: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp E2, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xét xử vắng mặt đương sự trên theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của bà T và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà T và ông T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc. Bà T không chung thủy với ông T trong tình cảm nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong suốt thời gian ly thân ông T và bà T không giải quyết được mâu thuẫn cho thấy tình cảm ông, bà dành cho nhau chưa đủ lớn để vượt qua những mâu thuẫn trong hôn nhân. Nếu duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả ông T và bà T. Tại phiên tòa bà T, ông T thuận tình ly hôn nên công nhận.

[3] Về con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu Lý Gia T2, sinh ngày 04/7/2008 và Lý Gia T3, sinh ngày 25/3/2013 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Lý Gia T1, sinh ngày 05/6/2001 đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với nợ của Ngân hàng N do Ngân hàng chưa yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Ngân hàng N vẫn có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu và công nhận sự tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm thay cho bị đơn.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Lâm T với ông Lý Cao T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Lý Gia T2, sinh ngày 04/7/2008 và Lý Gia T3, sinh ngày 25/3/2013 cho bà Lê Thị Lâm T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Lý Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Nếu phát sinh tranh chấp Ngân hàng N vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Bà Lê Thị Lâm T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006519 ngày 09/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện V;
- Chi THA dân sự huyện V;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Hà Thía

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tùng- Đoàn Sơn Lâm

Võ Hà Thía

